|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn** | **Dạy** | **Ngày** | ***13/5/2024******16/5/2024*** | ***13/5/2024******16/5/2025*** |
|  ***20/4/2024*** | **Tiết (TKB)** | ***2/2*** | ***5/5*** |
| **Lớp** | ***7A*** | ***7B*** |

|  |
| --- |
| **TIẾT 135,136:****ÔN TẬP CUỐI KỲ II** |

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức.**

- Ôn tập kiến thức đã học: Đọc hiểu văn bản,Thực hành Tiếng Việt,viết...trong chương trình Ngữ văn 7 kì 2 đã học.

**2. Năng lực.**

**\* Các năng lực chung**: Năng lực giao tiếp.

**\* Các năng lực chuyên biệt**: Năng lực thực hành.

**3.Phẩm chất**

- Hs có thái độ yêu thích bộ môn Ngữ văn

- Qua bộ môn này thêm yêu thương con người, yêu nhân loại, có tấm lòng vị tha.

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1.Thiết bị: Máy tính,ti vi.

2.Học liệu: Tư liệu phần: Đọc hiểu văn bản,Thực hành Tiếng Việt,viết...trong chương trình Ngữ văn 7 đã học. .

**III. TIẾN TRÌNH CAC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Khơi kiến thức nền để học sinh bước vào giờ ôn tập hiệu quả.

**b. Nội dung:** Tổ chức học sinh tham gia cặp đôi chương trình “Kí ức vui vẻ” chia sẻ cặp đôi về các vấn đề liên quan đến việc học tập môn Ngữ văn.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d.Tổ chức thực hiện:** Học sinh tham gia chương trình “Kí ức vui vẻ” theo cặp đôi

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**

- Chương trình “Kí ức vui vẻ”.

- Cách tổ chức: HS thảo luận cặp đôi và thống nhất nội dung trả lời các câu hỏi theo phiếu học tập 1. Sau đó các cặp đôi sẽ tham gia chương trình “Kí ức vui vẻ” liên quan việc học tập của bản thân môn Ngữ văn ở học kì I- Một học sinh là người dẫn, một học sinh là người chia sẻ, trả lời các câu hỏi.

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Trả lời** |
| **Câu 1**Chương trình Ngữ Văn 7 kì II có mấy bài học ? Trong mỗi bài học em được rèn những kĩ năng nào? | - Chương trình Ngữ văn 7 có năm bài học:+ Bài 6: Truyện ngụ ngôn và tục ngữ+ Bài 7: Thơ (Tự do)+ Bài 8: Nghị luận xã hội+ Bài 9: Tản văn và tùy bút+ Bài 10: Văn bản thông tin- Được rèn các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. |
| **Câu 2**Điều mà em thích thú khi học chương trình Ngữ văn 7 kì II và những khó khăn của em khi học tập bộ môn là gì? | - HS chia sẻ theo quan điểm cá nhân:+ Điều thích thú khi học tập bộ môn.+ Những khó khăn trong quá trình học tập |
| **Câu 3**Chia sẻ những kỉ niệm đáng nhớ của em khi học tập môn Ngữ Văn 7 trong học kì II. | - HS chia sẻ kỉ niệm đáng nhớ khi học tập môn Ngữ văn học kì II. |
| **Câu 4.**Sau một học kì học tập thì em có thấy hài lòng về kết quả học tập bộ môn của mình so với mong muốn của bản thân đã chia sẻ khi học ở bài mở đầu chưa? | - HS tự trả lời điều mà bản thân đã đạt được/ chưa đạt được theo mong muốn và nêu được lí do hợp lí. |
| **Câu 5.**Em có kế hoạch như thế nào cho việc học tập bộ môn Ngữ văn? | - Học sinh chia sẻ cách học tập bộ môn:+ Tích cực học tập.+ Học tập nghiêm túc+ Kiên trì, cố gắng đạt mục tiêu học tập mà bản thân đã đề ra. |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận thống nhất nội dung chia sẻ cặp đôi và tự tin trình bày trước lớp

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Đại diện các cặp đôi báo cáo kết quả theo hình thức tham gia chương trình “Kí ức vui vẻ”: Một học sinh dẫn – Một học sinh trả lời.

Các cặp đôi lắng nghe, góp ý lẫn chau

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV và HS cùng đánh giá phần thể hiện của các cặp đôi.

- Kết nối vào nội dung ôn tập

**2. HOẠT ĐỘNG 2. ÔN TẬP**

**HOẠT ĐỘNG 2.1. ÔN TẬP ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**Nhiệm vụ 1: Củng cố tri thức về văn bản, thể loại**

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức về văn bản thể loại văn bản đã học trong học kì II

**b. Nội dung:** Tổ chức học sinh tham gia cặp đội chương trình “Kí ức vui vẻ” chia sẻ cặp đôi về các vấn đề liên quan đến việc học tập môn Ngữ văn.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d.Tổ chức thực hiện:** Học sinh chia sẻ cá nhân phần trả lời câu hỏi 1 trong SGK

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thày và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ****Chia sẻ cá nhân: Câu 1, SGK/118**Báo cáo cá nhân nhân bảng thống kê theo nội dung câu 1 SGK/95 theo kĩ thuật công đoạn.**Câu 1:** Thống kê các thể loại, kiểu văn bản và tên văn bản cụ thể đã học trong sách Ngữ văn 2, theo bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại** | **Thể loại hoặc kiểu văn bản**  | **Tên văn bản đã học** |
| Văn bản văn học |  |  |
| Văn bản nghị luận. |  |  |
| Văn bản thông tin. |  |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS tự giác xung phong trả lời**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**-HS báo cáo cá nhân theo kĩ thuật công đoạn phần nội dung thống kê đã chuẩn bị theo+ HS1. Trình bày thống kê tác phẩm văn học.+ HS 2. Trình bày thống kê văn bản nghị luận+ HS 3. Trình bày thống kê văn bản thông tin-HS khác góp ý, bổ sung**Bước 4: Kết luận, nhận định****-** GV và HS đánh giá phần trình bày của HS- GV kết luận về sự chuẩn bị và trình bày của HS | **1. Văn bản, thể loại hoặc kiểu văn bản**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại** | **Thể loại hoặc kiểu văn bản**  | **Tên văn bản đã học** |
| **Văn bản văn học** | Truyện ngụ ngôn và tục ngữ | **-** *Ếch ngồi đây giếng*- Đẽo cày giữa đường*- Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người.***-** Bụng răng , miệng, tay chân ( Ê dốp) |
| Thơ | - Những cánh buồm - Hoàng Trung Thông.- Mây và sóng ( Ta – go)- Mẹ và quả ( Nguyễn Khoa Điềm) |
| **Tản văn và tùy bút** | -Cây tre Việt Nam ( Thép Mới)- Người ngồi đợi trước hiên nhà ( Huỳnh như Phương)- Trưa tha hương ( Trần Cư) |
| Nghị luận xã hội | Nghị luận xã hội | - Tinh thần yêu nước của nhân dân ta ( HCM).- Đức tính giản dị của Bác Hồ(Phạm văn Đồng)-Tượng đài vĩ đại nhất ( Uông ngọc Dậu) |
| **Văn bản thông tin** | **Văn bản thông tin** | -Ghe xuồng Nam Bộ ( Theo Minh nguyen)- Tổng kiểm soát phương tiện giao thông ( Theo inforgraphic.vn)- Phương tiệ vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày xưa ( Trần Bình) |

 |

**Nhiệm vụ 2:** **Củng cố tri thức về cách đọc hiểu các loại văn bản.**

**a. Mục tiêu:** Ôn tập khắc sâu về cách đọc thơ (bốn chữ, năm chữ), truyện (truyện ngắn, tiểu thuyết, truyện khoa học viễn tưởng)

**b. Nội dung:** Học sinh chia sẻ cá nhân ý kiến.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời về cách đọc các kiểu văn bản.

**d. Tổ chức thực hiện:** Học sinh báo cáo trả lời cá nhân theo kĩ thuật công đoạn nội dung câu 3 SGK.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thày và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***GV chiếu câu hỏi 2 yêu cầu HS thực hiện theo cặp đôi.***Câu 2:** Nêu những điểm cần chú ý về cách đọc thơ, truyện ngụ ngôn và tục ngữ , tản văn và tùy bút, văn bản thông tintrong sách Ngữ Văn 7.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện nhiệm vụ.- GV quan sát, hỗ trợ.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Đại diện 3 cặp đôi trả lời với ba kiểu văn bản:+ Cặp đôi 1: Cách đọc truyện ngắn và tiểu thuyết.+ Cặp đôi 2: Cách đọc thơ bốn chữ, năm chữ.+ Cặp đôi 3: Cách đọc truyện khoa học viễn tưởng- Các cặp nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.**Bước 4: Kết luận, nhận định**- HS đánh giá ý kiến của nhóm bạn.- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức trên màn hình- HS tự bổ sung. |  |
| **STT** | **Thể loại** | **Đặc điểm** |
| **1** | **Truyện ngụ ngôn:** | - Truyện ngụ ngôn là hình thức tự sự cỡ nhỏ, trình bày những bài học đạo lí và kinh nghiệm sống, thường sử dụng lối diễn đạt ám chỉ, ngụ ý, bóng gió.- Một số đặc điểm của truyện ngụ ngôn: + Truyện ngụ ngôn thường ngắn gọn, được viết bằng thơ hoặc văn xuôi. + Nhân vật ngụ ngôn có thể là con người hoặc con vật, đồ vật được nhân hoá (biết nói năng, có tính cách, tâm lí như con người). + Truyện ngụ ngôn thường nêu lên những tư tưởng, đạo lí hay bài học cuộc sống bằng ngôn ngữ giàu hình ảnh, có thể pha yếu tố hài hước. |
| **2** | **Thơ** | **a/ Từ ngữ và hình ảnh trong thơ** - Thơ trữ tình thường ngắn gọn nên từ ngữ trong thơ rất cô đọng, hàm súc. Cũng như ngôn ngữ văn học nói chung, từ ngữ trong thơ có tính gợi hình, gợi cảm, đa nghĩa,... Từ ngữ trong thơ thiên về khơi gợi, đòi hỏi người đọc phải chủ động liên tưởng, tưởng tượng để hiểu hết sự phong phú của ý thơ.- Hình ảnh trong thơ là hình ảnh về con người, cảnh vật,... Xuất hiện trong thơ, giúp cho việc diễn đạt nội dung thêm gợi cảm, sinh động. Để khắc họa hình ảnh, tác giả thường sử dụng từ ngữ (nhất là những từ gợi tả âm thanh hoặc gợi tả dáng vẻ, trạng thái của sự vật), cách gieo vần, ngắt nhịp và đặc biệt là sử dụng các biện pháp tu từ như ẩn dụ, so sánh, nhân hóa...**b/ Ngữ cảnh và nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh**- Ngữ cảnh của một yếu tố ngôn ngữ trong câu hoặc văn bản thường được hiểu là:+ Những từ ngữ, câu đứng trước hoặc đứng sau yếu tố ngôn ngữ đó. Theo nghĩa này, từ ngữ cảnh đồng nghĩa với từ văn cảnh.+ Hoàn cảnh, tình huống giao tiếp (gồm các yếu tố: chủ thể, đối tượng; mục đích giao tiếp; thời gian, nơi chốn diễn ra hoạt động giao tiếp). Theo nghĩa này, từ ngữ cảnh đồng nghĩa với các từ tình huống, bối cảnh. |
| **3** | **Nghị luận xã hội** | - Văn nghị luận là văn bản thể hiện ý kiến của người viết. - Sức thuyết phục của ý kiến phụ thuộc vào việc dùng lí lẽ và bằng chứng. Mỗi ý kiến thường được làm rõ bằng một số lí lẽ, mỗi lí lẽ được củng cố bởi một số bằng chứng. Ý kiến cần mới mẻ, lí lẽ cần sắc bén, bằng chứng cần xác thực, tiêu biểu, và tất cả những yếu tố đó phải có mối liên hệ với nhau, tạo thành một hệ thống chặt chẽ.  |
| **4** | **Tản văn và tùy bút:** | **\*Khái niệm:** Tùy bút và tản văn đều là các thể loại của kí, là văn xuôi đậm chất trữ tình.- Tùy bút là thể văn xuôi trữ tình ghi chép lại một cách tự do những suy nghĩ, cảm xúc mang đậm màu sắc cá nhân của tác giả về con người và sự việc. Ngôn ngữ của tùy bút rất giàu chất thơ.- Tản văn, một dạng bài gần với tùy bút, là thể văn xuôi sử dụng cả tự sự, trữ tình, nghị luận,... Nêu lên các hiện tượng giàu ý nghĩa xã hội và bộc lộ một cách chân thực, trực tiếp tình cảm, ý nghĩ mang đậm cá tính của tác giả.**\* Chất trữ tình, cái “tôi”, ngôn ngữ của tùy bút và tản văn.****a. Chất trữ tình trong tản văn, tùy bút**- Chất trữ tình là yếu tố được tạo nên từ vẻ đẹp của cảm xúc, suy nghĩ, vẻ đẹp của thiên nhiên, tạo vật để tạo nên rung động thẩm mĩ cho người đọc.- Chất trữ tình ở tùy bút và tản văn là sự thể hiện trực tiếp những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc chủ quan của người viết trước con người và sự việc được nói tới. **b. Cái “tôi” trong tản văn, tùy bút**- Cái “tôi” trong tản văn và tùy bút là yếu tố thể hiện cảm xúc, suy nghĩ riêng của tác giả qua văn bản.- Cái “tôi”, tức con người tác giả, hiện lên rất rõ nét như: nhẹ nhàng, lặng lẽ hay sôi nổi; tinh tế, lịch lãm hay quyết liệt; sung sướng hay buồn rầu, căm giận;...**c. Ngôn ngữ trong tản văn, tùy bút**- Do chú trọng tái hiện nội tâm, cảm xúc, miêu tả thiên nhiên thơ mộng, sử dụng nhiều biện pháp tu từ, từ ngữ giàu hình ảnh và nhịp điệu,...- Ngôn ngữ của tùy bút và tản văn giàu chất thơ, chất trữ tình. |
| **5** | **Văn bản thông tin** | + Triển khai theo trật tự thời gian.+ Theo quan hệ nhân quả. + Đưa ra liên tiếp nhiều góc nhìn khác nhau về sự vật, hiện tượng. + Lần lượt trình bày về từng bộ phận của đối tượng muốn nói đến trước khi đưa ra một thông tin hay quan điểm nhìn nhận thông tin mang tính bao trùm  |

**II. TIẾNG VIỆT:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Thể loại** | **Đặc điểm** |
| **1** | **Thành ngữ** | - Thành ngữ là một loại cụm từ cố định, có nghĩa bóng bẩy. Nghĩa của thành ngữ là nghĩa toát ra từ cả cụm, chứ không phải được suy ra từ nghĩa của từng thành tố.- Tác dụng: Việc dùng thành ngữ giúp câu trở nên súc tích, bóng bẩy, gợi nhiều liên tưởng.Vd: Lại có khi tôi cảm thấy mình dũng mãnh đến nỗi dù có phải ***chuyển núi dời sông*** tôi cũng sẵn sàng.> Thành ngữ ***Chuyển núi dời sông***: là làm những việc lớn lao, phi thường. |
| **2** | **Nói quá** | - Nói quá là biện pháp tu từ phóng đại tính chất, mức độ, quy mô của đối tượng để nhấn mạnh, tăng sức biểu cảm hoặc gây cười.- Đặc điểm: phóng đại đến mức phi lí tính chất, mức độ, quy mô của đối tượng- Tác dụng: để nhấn mạnh, tăng sức biểu cảm hoặc gây cười.Vd: ***Dời non lấp biển*** (thành ngữ).  -> Nói quá nhằm đề cao ý chí hoặc thể hiện sự khâm phục trước kì tích của con người. |
| **3** | **Mạch lạc và liên kết của văn bản** | - Mạch lạc: là sự liền mạch về nội dung của một đoạn văn hoặc văn bản; - Liên kết: là quan hệ về mặt hình thức giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn trong văn bản, thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như từ ngữ nối, từ ngữ lặp lại, từ ngữ thay thế (từ đồng nghĩa, đại từ) |
| **4** | **Dấu chấm lửng** | - Dấu chấm lửng thường được dùng để tỏ ý nhiều sự vật, hiện tượng chưa được liệt kê hết;  Vd: *Ánh sáng lọc xanh qua những tán lá cây: cây mận cây dừa,* ***...***- Dấu chấm lửng thể hiện lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng; Vd: *Chị ơi, em****…*** *em*. – Nó bỏ lửng không nói tiếp. - Dấu chấm lửng làm giãn nhịp điệu của câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ thường có sắc thái hài hước, châm biếm. Vd: *Cuốn tiểu thuyết được viết trên****…*** *bưu thiếp.* |
| **5** | **Biện pháp liên kết** | - Phép nối (từ ngữ nối): và, nhưng, ... - Phép thế (đại từ, từ ngữ đồng nghĩa)- Phép lặp (lặp lại từ ngữ đã có trong câu trước, đoạn trước),...  Vd: “Khi *ông* còn nhỏ, **mẹ ông** luôn nhìn cuộc đời này như một nơi đầy hiểm nguy. **Bà** vẫn hay nói với *ông* rằng để tồn tại, *ông* phải luôn đề phòng, phải luôn cảnh giác.”- Đoạn văn trên sử dụng các phép liên kết:+ Phép lặp từ: “ông”+ Phép thế: “mẹ ông” = “bà” |
| **6** | **Thuật ngữ** | - Thuật ngữ là từ ngữ dùng để nêu các khái niệm của một số lĩnh vực chuyên môn hoặc ngành khoa học.- Nhờ sử dụng chính xác và hợp lí các thuật ngữ, văn bản có được tính chuyên môn cao và cách biểu đạt hàm súc, tạo thuận lợi cho những cuộc trao đổi, thảo luận bổ ích xung quanh nội dung của văn bản. Vd: ***Truyện ngụ ngôn*** thường ngắn gọn, được viết bằng thơ hoặc văn xuôi. |
| **7** | **Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó** | - Khi gặp một từ có các yếu tố Hán Việt thông dụng, trước hết, có thể tách từ đó ra thành các thành tố riêng biệt để xem xét.Vd: ***thuyết minh*** -> ***thuyết*** và ***minh***- Tiếp đó tập hợp những từ đã biết có một trong các yếu tố của từ được tách ở trên và xếp chúng vào các nhóm khác nhau.Vd: + Nhóm có yếu tố ***thuyết***: thuyết phục, thuyết giảng, lí thuyết, diễn thuyết, …+ Nhóm có yếu tố ***minh***: minh bạch, minh mẫn, tường minh, thanh minh, ...- Dựa vào nghĩa chung của một vài từ đã biết trong mỗi nhóm để suy ra nghĩa của từng yếu tố đó, từ đó, bước đầu xác định nghĩa của từ có yếu tố Hán Việt muốn tìm hiểu. Vd: + ***thuyết*** -> có liên quan tới hành động nói; ***minh***-> có liên quan tới sự rõ ràng, sáng sủa; ***thuyết minh***-> nói rõ ràng ra. |

**III. VIẾT**

**Dạng đề 1: Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn*.***

**\* Mở bài:** Giới thiệu đặc điểm nổi bật của nhân vật người thợ mộc trong truyện ngụ ngôn*.*

 **\* Thân bài:** Phân tích đặc điểm của nhân vật:

Lần lượt phân tích những đặc điểm nổi bật của nhân vật thông qua các chi tiết cụ thể trong tác phẩm (hoàn cảnh, cử chỉ,hành động, ý nghĩ, …)

* Nêu được nhận xét của em về nhân vật
* \*Chỉ ra các đặc điểm của nhân vật

- **Lai lịch**:

- **Bối cảnh nhân vật xuất hiện**:

-**Suy nghĩ:**

**- Hành động**

**\*Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật:**

- Cách xây dựng nhân vật: gần gũi, sống động thông qua nhiều phương diện như ý nghĩ, hành động, việc làm.

- Tạo bối cảnh câu chuyện độc đáo.

- Các tình tiết truyện sắp xếp hợp lí, mức độ gay cấn tăng dần, tạo sức lôi cuốn.

- Kết cấu ngắn gọn, dễ hiểu, ý nghĩa sâu sắc.

- Cách kể bất ngờ hài hước, kín đáo.

**\*Nêu được ý nghĩa, bài học của hình tượng nhân vật:**

- **Kết bài:** Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật. Liên hệ bản thân về cách ứng xử trong tình huống như vậy: Biết lắng nghe, phải cân nhắc lựa chọn ý kiến phù hợp,…

**Dạng đề 2: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống .**

**Mở bài:** \* Giới thiệu vấn đề: Nêu được vấn đề cần nghị luận

**Thân bài:**

+ Giải thích ( nêu quan điểm về vấn đề cần nghị luận)

+ Nêu biểu hiện của vấn đề nghị luận.

+ Mở rộng, phản đề.

+ Bài học nhận thức và hành động.

**Kết bài:** Khẳng định lại ý kiến. Nêu suy nghĩ và liên hệ bản thân.

## **Dạng đề 3: Viết bài văn biểu cảm về sự việc**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu về sự việc mà em muốn bày tỏ tình cảm, suy nghĩ.

- Bày tỏ tình cảm, ấn tượng ban đầu của em về sự việc đó.

**2. Thân bài**

- Giới thiệu chung:

+ Sự việc đó là gì?

+ Xảy ra ở đâu?

+ Xảy ra khi nào?

- Kể lại diễn biến sự việc theo một trình tự nhất định.

+ Điều gì khiến em cảm thấy ấn tượng nhất?

+ Trình bày cảm xúc, suy nghĩ về sự việc đó: vui vẻ, hạnh phúc hay bất ngờ…

+ Lí giải vì sao em lại có cảm xúc, suy nghĩ đó?

**3. Kết bài**

Khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của em đối với sự việc được kể.

**B/ LUYỆN ĐỀ**

**I. Đề đọc hiểu**

**Đề 1: Đọc văn bản sau:**

**Kí ức chiều quê**

Đồng làng về chiều bình yên như bức tranh hiền hòa, êm dịu. Một bức tranh thiên nhiên mộc mạc, đơn sơ nhưng đủ ấm lòng người xa xứ ngày trở về và rơm rớm nước mắt ngày chia xa. Ngọn gió đồng nội thổi miên man làn tóc rối. Gió qua những nhành cây gạo thắm sắc đỏ. Dưới gốc gạo này ngày nhỏ, những đứa trẻ trong làng chạy chơi mỏi nhừ chân đã nằm lăn ra bãi cỏ xanh mát rồi kể đủ chuyện trên đời.

Những ngày được trở về quê, đi giữa mênh mông đồng lúa, ngọn gió quê hương lại miên man thổi vào lòng tôi những giai điệu nhẹ nhàng mà da diết lòng. Gió vờn qua ngọn lúa xanh rì, rập rờn lượn sóng. Gió lùa vào hàng tre bao quanh làng, từng chiếc lá xạc xào thanh âm miền thôn dã. Đâu đó dưới những mái nhà, khói lam chiều vờn lên hòa vào ngọn gió như một tín hiệu dịu dàng của mâm cơm chiều đầm ấm.

Trên đường làng, từng tốp người dắt trâu về chuồng nói cười vui vẻ. Tiếng sáo diều trong trẻo trên cao quyện hòa cùng tiếng cười ngây thơ của trẻ nhỏ. Tôi bất giác nhận ra rằng, hình như chính những ngày tháng xa quê đã làm nỗi nhớ quê càng dày lên theo năm tháng. Nhớ tất cả những gì bình dị mà thân thương quá đỗi, như ngọn gió hôm nay giữa quãng đồng chiều.

Buổi chiều bình dị nhưng thân thương không chỉ bởi vì khung cảnh bình yên mà còn vì có bóng dáng mẹ ở thăm thẳm đồng xa. Mẹ tôi, người phụ nữ đã gắn bó cuộc đời mình với cánh đồng từ những ngày thơ bé. Những hôm giá rét hay cái nắng nứt mặt đất, mẹ vẫn cặm cụi với công việc của mình.

Tôi nhớ những lần từ thành phố về, vừa để ba lô xuống là đã chạy ù ra ruộng tìm mẹ. Mẹ quần xăn quá gối, vẫy vẫy tay đón tôi. Mùi mồ hôi nồng nồng và mùi bùn từ mẹ, tôi thấy thân thương và quá đỗi yên bình. Mấy chị em tôi lớn lên được cắp sách đến trường rồi được lên phố đi học cũng nhờ những hạt lúa, củ khoai từ cánh đồng, từ vườn nhà mẹ cặm cụi chăm sóc. Những hôm mặt trời đã ngả bóng, khuất dần sau lũy tre làng, mẹ vẫn miệt mài làm xong việc mới về nhà.

Tôi xa quê bao nhiêu năm nhưng những buổi chiều đồng làng luôn nằm trong góc nhỏ lòng mình, da diết và đằm sâu. Bởi lẽ, quê hương dù đi đâu ai cũng nhớ và cũng mong ước ngày trở về. Lại được thả chân trần đi trên con đê lồng lộng gió, qua bến đò ngay gốc gạo mà nghe giọng quê mình sao thân thương quá đỗi! Tâm hồn tôi như được sống lại trong mênh mông hồi ức đẹp đẽ một thời nơi cố hương. Nơi ấy có lời ru của mẹ, có cánh võng của bà bên hiên nhà, có bờ vai ba cõng tôi qua triền đê đầy nắng. Quê hương xứ sở là một điều thiêng liêng đã đằm sâu tận trong huyết quản. Dù ai đi đâu về đâu thì chốn quê hương vẫn là nơi yên bình nhất để tìm về với thương nhớ trọn vòng tay.

(Theo **Phong Dương,** *Baohatinh.vn,*ngày18/12/2022)

*Chọn 01 phương án trả lời cho các câu hỏi từ câu 1 đến câu 8. Từ câu 9 đến câu 10 em tự viết phần trả lời vào bài.*

**Câu 1.** Văn bản trên thuộc thể loại:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. truyện ngắn.  | B. hồi kí. | C. du kí. | D. tản văn. |

**Câu 2.** Những phương thức biểu đạt nào được tác giả sử dụng trong văn bản?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Tự sự, miêu tả, thuyết minh | B. Tự sự, thuyết minh, miêu tả, nghị luận |
| C. Biểu cảm, miêu tả, tự sự | D. Tự sự, biểu cảm, miêu tả, nghị luận |

**Câu 3.** Nỗi nhớ quê nhà của nhân vật trữ tình gắn liền với khoảng thời gian nào?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Buổi sáng | B. Buổi trưa | C. Buổi chiều | D. Buổi đêm |

**Câu 4.** Những hình ảnh nào đã khiến nhân vật trữ tình bất giác nhận ra chính những ngày xa quê đã làm nỗi nhớ dày lên theo năm tháng?

A. Tốp người dắt trâu, tiếng sáo diều, tiếng cười của trẻ nhỏ.

B. Tốp người dắt trâu, tiếng sáo diều, đồng lúa chín vàng.

C. Ngọn gió quê hương, tiếng sáo diều, tiếng cười của trẻ nhỏ.

D. Vườn nhà mẹ, tiếng sáo diều, tiếng cười của trẻ nhỏ.

**Câu 5.** Từ “những” trong câu văn sau thuộc từ loại nào?

“*Tôi nhớ những lần từ thành phố về, vừa để ba lô xuống là đã chạy ù ra ruộng tìm mẹ*”.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Từ địa phương | B. Phó từ | C. Số từ | D. Từ mượn |

**Câu 6.** Câu văn nào thể hiện trực tiếp cảm xúc yêu mến, gắn bó thiết tha với quê nhà của nhân vật trữ tình?

A. *Nhớ tất cả những gì bình dị mà thân thương quá đỗi, như ngọn gió hôm nay giữa quãng đồng chiều.*

B. *Mẹ tôi, người phụ nữ đã gắn bó cuộc đời mình với cánh đồng từ những ngày thơ bé*.

C. *Những hôm giá rét hay cái nắng nứt mặt đất, mẹ vẫn cặm cụi với công việc của mình.*

D. *Gió vờn qua ngọn lúa xanh rì, rập rờn lượn sóng.*

**Câu 7.** Câu: “*Mùi mồ hôi nồng nồng và mùi bùn từ mẹ, tôi thấy thân thương và quá đỗi yên bình*” diễn tả cảm xúc gì?

A. Cảm xúc xót xa, bồi hồi khi chứng kiến nỗi vất vả, cực nhọc của mẹ trên đồng ruộng.

B. Cảm xúc thương nhớ, xót xa, bồi hồi khi được trở về và nhìn thấy những giọt mồ hôi của mẹ.

C. Cảm xúc gần gũi, gắn bó, thiết tha, mặn nồng và dâng trào hạnh phúc khi thấu hiểu được nỗi vất vả của mẹ.

D. Cảm xúc bình yên, thương nhớ khôn nguôi về những tháng ngày sống bên mẹ gắn với công việc làm đồng.

**Câu 8.** Câu văn: “*Gió qua những nhành cây gạo thắm sắc đỏ*” mở rộng thành phần:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. chủ ngữ | B. vị ngữ. | C. trạng ngữ. | D. cả chủ ngữ và vị ngữ. |

**Câu 9.** Chỉ ra và nêu tác dụng của phép tu từ trong câu: “*Đồng làng về chiều bình yên như bức tranh hiền hòa, êm dịu*”.

**Câu 10.** Thông điệp mà tác giả gửi gắm qua ngữ liệu trên là gì?

**Đề 2: Đọc ngữ liệu sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:**

*Tháng tư lại về với nắng mới vàng tươi rực rỡ. Khắp phố phường, sắc xanh non mỡ màng của lá bàng, lá sấu, bằng lăng làm bừng sáng cả không gian. Chầm chậm đạp xe trên phố, chợt thoảng thơm trong gió một làn hương ngọt ngào, khiến lòng nôn nao khó tả. Ghé vào gánh hàng hoa quen thuộc của bà lão ngồi dưới tán bàng đầu con phố nhỏ, tôi nhận ra ngay những bông móng rồng đầu mùa vàng rộm nổi bật trên nền xanh mướt của lá chuối tươi. Bà lão mỉm cười hiền hậu nhìn tôi ôm cả gói hoa lên hít hà và nhẹ nhàng đặt vào giỏ xe với biết bao nâng niu, trìu mến.*

*Mỗi mùa hoa là một lần bà nội tôi phải ngồi phân xử đúng sai cho bọn trẻ, bởi đứa thì bảo hoa móng rồng thơm mùi chuối tiêu trứng cuốc, đứa lại bảo thơm mùi mít chín .Tôi thì đứng ngay gốc cây, nhắm tịt cả hai mắt lại hít lấy hít để rồi bảo giống mùi vani của thứ bánh kẹp trên phố tôi từng ăn. Cuộc tranh cãi chỉ đến hồi kết khi bà sai chúng tôi vin những cành cây mềm mại rủ xuống, nhẹ nhàng hái hoa vào rổ.*

*.....*

*Bao năm rồi, bà tôi giờ không còn nữa. Hoa móng rồng vẫn nở thơm vườn nhà mỗi độ giao mùa. Chúng tôi ngày càng xa quê, nhưng màu hoa ấy, làn hương ấy luôn là một phần thẳm sâu trong nỗi nhớ quê hương. Để đến tháng tư về , tôi lại tìm đến gánh hàng của bà lão vừa từ làng hoa bên kia sông qua chuyến đò sớm sang phố, mang chút hồn quê thảo thơm đến mọi người.*

 (Lam Hồng, *Hoa móng rồng,* Theo <http://www.báonamdinh.vn> ngày 15/4/2015)

**Khoanh tròn vào chữ cái đầu đáp án mà em cho là đúng: (từ câu 1 đến câu 8)**

**Câu 1.** Văn bản trên đã viết theo thể loại gì?

1. Nghị luận văn học C.Nghị luận xã hội

B. Tản văn và tùy bút D. Thơ

**Câu 2**. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?.

|  |  |
| --- | --- |
|  A.Miêu tả |  C.Tự sự |
|  B.Biểu cảm |  D.Nghị luận |

# **Câu 3.**  Đối tượng chính mà văn bản đề cập *?*

|  |  |
| --- | --- |
|  A.Hoa móng rồng |  C.Bà tôi |
|  B.Bọn trẻ |  D.Bà bán hàng |

# **Câu 4.** Điều gì khiến người viết thấy *“ lòng nôn nao khó tả”?*

#  A. Vì nắng mới vàng tươi rực rỡ

#  B. Vì sắc xanh non của lá bàng, lá sấu, bằng lăng

#  C. Vì làn hương ngọt ngào thoảng thơm trong gió

#  D. Vì thương nhớ về bà của mình

**Câu 5.**  **Hương hoa móng rồng được cảm nhận như thế nào?**

1. Giống mùi mít chín
2. **Giống mùi chuối tiêu trứng cuốc**
3. **Giống mùi hương vani của bánh kẹo**
4. **Ngọt ngào tùy cảm nhận của mỗi người.**

**Câu 6.** Trong câu văn *“. Bà lão mỉm cười hiền hậu nhìn tôi ôm cả gói hoa lên hít hà và nhẹ nhàng đặt vào giỏ xe với biết bao nâng niu, trìu mến.”* có mấy cụm động từ?

|  |  |
| --- | --- |
|  A.Một |  C.Ba |
|  B.Hai |  D.Bốn |

**Câu 7. Nội dung đoạn trích được tổ chức theo trình tự nào sau đây ?**

1. Từ quá khứ đến hiện tại
2. Từ hiện tại ngược về quá khứ
3. Theo mạch cảm xúc
4. Không có trình tự

**Câu 8:** Có nhận xét cho rằng: *Văn bản trên miêu tả thiên nhiên mơ mộng , từ ngữ rất giàu hình ảnh , nhịp điệu , cảm xúc về con người và sự việc chân thực*. Điều đó đúng hay sai.

1. Đúng B. Sai

# **Câu 9.** Văn bản gửi đến chúng ta những thông điệp gì ?

**Câu 10.** Từ nội dung văn bản: Em hãy chia sẻ một kỉ niệm tuổi thơ mà em nhớ nhất ?

**Đề 3: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

 **CHỢ BÊN ĐƯỜNG**

Chợ lúc nào cũng nhóm ngay đầu cầu, trước cơ quan xã hay đầu cống đá vào xóm kinh. Như người phụ nữ chân quê, chợ nhỏ nhoi, hiền hậu, trầm tính dịu dàng. Mấy rổ hàng con con, mười người phụ nữ tay lấm áo lem ngồi với nhau là thành chợ, đông nữa, hai ba mươi người cũng gọi chợ. Không cần lặn lội khuya lơ khuya lắc như đi chợ thị xã, cứ chờ cho sáng ra bắc nồi cơm lên bếp cái đã, rồi đủng đỉnh xách hàng ra chợ. Đã hiểu nhau về hết thảy nỗi nhọc nhằn nên người mua không nặng nề mặc cả bon chen, người bán cũng chẳng đanh đá chua ngoa như kẻ chợ, hình như chợ họp chỉ để trao đổi, san sẻ với nhau những gì mình có. Bán đi những trái dừa khô để mua lại mớ rau càng cua về trộn dầu giấm chấm mắm kho. Bán mấy trái khổ qua đắng để mua ít đỉnh cải bẹ xanh về nấu với mớ cá rô mề mới giăng tới được sáng naỵ. Cả cá, cả rau cả trái đều bán theo mớ, hiếm hoi lắm có dì có được cây cân đòn loại 12 kg, trái cân lò dò đặt lên cái đòn đã mòn những khía, tỏ con mắt cũng không biết số kí nằm đâu. Ôi, có hề gì chuyện nặng nhẹ đong đo, lòng người ta tin nhau đầy ắp kia mà. Buổi sáng sao mà dậy mùi thơm nồng hăng của rau húng lủi, húng cây, rau cần trục, cần rừng. Bày ra đó, không phải chăm chăm trông chừng hàng hoá, chị em chụm lại rôm rả với nhau chuyện chồng con, chuyện làng xóm, ruộng lúa, vườn cây... (chuyện xóm quê mà, nói biết chừng nào cho hết). Thành ra chợ không chỉ bán gà, bán cá, bán rau củ trong vườn nhà mà còn gửi gắm thông tin cho nhau nên chợ ít người mà vui, mà thắm đượm nghĩa tình cũng vì lẽ đó.

Chợ không chỉ độc đáo vì bản sắc bình dị, nó còn độc đáo ở những mặt hàng mà nó bày ra. Thì mớ tép rong ôm một bụng trứng xanh rời còn ướt rượt nước mới cất vó từ dưới kinh lên đó, thì mớ cá lòng tong, lìm kìm, cá mè con con nhảy tung nhảy toé, nhảy đến tróc lớp vảy óng ánh ra, thì kìa, rổ trái giác trái tròn tròn, bóng mẩy như viên đạn cu ly, rồi những cọng năng trắng muốt thơm ngai ngái mùi bùn, mùi nước lên đồng**...** Những thứ này, ở thành phố có thèm cũng chịu thua, có lang thang hết chợ này sang chợ khác tìm kiếm tảo tần chưa chắc có.

 (Nguyễn Ngọc Tư)

**Câu 1**. Đoạn trích trên thuộc thể loại văn học nào?

A. Tản văn B. Hồi kí C. Bút kí D. Tùy bút

**Câu 2**. Vì sao, ở chợ bên đường này người mua không nặng nề mặc cả bon chen, người bán cũng chẳng đanh đá chua ngoa như kẻ chợ?

A. Vì người bán bán đúng giá

B. Vì cả hai đã hiểu được tất cả những nỗi nhọc nhằn, vất cả của nhau

C. Vì người mua và người bán đều là những hiền lành

D. Vì đó là những mặt hàng phổ biến dễ mua, không cần phải nói thách

**Câu 3**. Qua ngòi bút của tác giả, hình ảnh chợ ở quê hiện lên như thế nào?

A. Đông vui, nhộn nhịp, người mua người bán tấp nập

B. Vắng vẻ, thưa thớt, ít người tham gia mua bán

C. Ít người mà vui vẻ, thắm đượm tình nghĩa

D. Tiếng rao hàng, mặc cả huyên náo

**Câu 4**. Những biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong câu văn in đậm ở đoạn trích?

A. Liệt kê, điệp từ và so sánh B. Nhân hóa, ẩn dụ và so sánh

C. Liệt kê, hoán dụ và ẩn dụ D. So sánh, điệp từ và hoán dụ

**Câu 5**. Câu “*Ôi, có hề gì chuyện nặng nhẹ đong đo, lòng người ta tin nhau đầy ắp kia mà*” có ý nghĩa như thế nào?

A. Thể hiện sự minh bạch rõ ràng, đong đếm từng chút giữa người mua và kẻ bán

B. Thể hiện tình cảm gần gũi, cảm thông và tin tưởng lẫn nhau của những người đi chợ

C. Thể hiện sự cảm thông giữa mọi người với nhau, sẵn sàng cho nhau hàng hóa khi cần

D. Khuyên người ta phải tin tưởng nhau, không cần đong đếm

**Câu 6**. Dấu chấm lửng trong câu văn in đậm ở đoạn trích có tác dụng gì?

A. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng

B.  Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm

C. Biểu thị trích dẫn bị lược bớt

D. Tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết

**Câu 7**. Đâu không phải là đặc điểm của chợ bên đường?

A. Chợ mở từ rất sớm, người đi chợ phải lặn lội khuya lắc, khuya lơ

B. Người mua, người bán hiểu được nỗi nhọc nhằn của nhau nên không có sự cò kè bớt một thêm hai

C. Những mặt hàng bày ra bán vô cùng bình dị và độc đáo

D. Những người đi chợ không chỉ buôn bán mà còn người nói, gửi gắm thông tin cho nhau

**Câu 8**. Nhan đề “*Chợ bên đường*” có ý nghĩa gì?

A. Gợi lên một vùng nông thôn nghèo đói

B. Gợi lên khung cảnh khu chợ tự phát, ít người tham gia buôn bán trao đổi

C. Gợi lên khung cảnh chợ bên đường tấp nập người đi lại, buôn bán trao đổi

D. Gợi lên khung cảnh chợ quê mang những đặc điểm của một vùng nông thôn khó khăn vất vả nhưng tình nghĩa

**Câu 9.** Trong văn bản, chợ bên đường khác chợ ở xã như thế nào?

**Câu 10.** Qua đoạn trích, em có cảm nhận gì về tình cảm của tác giả đối với quê hương mình?

**\*Giao bài,hướng dẫn học bài,làm bài và chuẩn bị bài tiếp theo**

+Về nhà hoàn thành các bài tập.

+Nắm được nội dung bài dạy.

**- Chuẩn bị bài:**

Ôn tập lại các kiến thức đã học trong chương trình ngữ văn 7 chuẩn bị cho bài kiểm tra cuối kỳ 2.